



**BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT XÔ SỐ 1**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT XÔ SỐ 1
NĂM 2020**

Vĩnh Phúc, tháng 9 năm 2020

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT XÔ SỐ 1

1. Thông tin chung về Trường

Tên trường: Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1

- 1.1. Tên Tiếng Anh : **Vietnam Russian Vocation college No1**
- 1.2. Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng
- 1.3. Địa chỉ trường: Trụ sở chính: Xuân Hoà - Phúc Yên - Vĩnh Phúc.
- 1.4. Số điện thoại: 02113.863.056
- 1.5. Số Fax: 02113.863.506
- 1.6. Email: truongvietxo@gmail.com
- 1.7. Website: <http://www.vixo.edu.vn>
- 1.8. Năm thành lập trường: 07/11/1978
 - Năm thành lập đầu tiên: 1978
 - Năm thành lập trường cao đẳng nghề: 2006
- 1.9. Loại hình trường: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường

2. 1. Lịch sử phát triển

Những năm đầu của thập kỷ 70, Chính phủ Việt Nam dự kiến xây dựng một thủ đô mới ở khu vực huyện Mê Linh – Vĩnh Phúc, trong đó có hạng mục công trình là một trường đào tạo công nhân kỹ thuật tại thị trấn Xuân Hòa cách thị xã Phúc Yên 7km về phía Tây Bắc – là một trường dạy nghề quốc gia được Nhà nước và nhân dân Liên Xô viện trợ đồng bộ không hoàn lại từ khâu thiết kế đến chỉ đạo thi công, các trang thiết bị và các mô hình học cụ giúp đào tạo nghề cho ngành xây dựng Việt Nam. Trường được khởi công xây dựng vào ngày 19/5/1973. Ngày 27/7/1976 được sự ủy nhiệm của Chính phủ, Bộ Xây dựng đã có quyết định số 682/BXD – TC thành lập Trường Công nhân Xây dựng số 1 . Trường đóng trên địa bàn Xuân Hòa – Phúc Yên – Vĩnh Phúc. Với nhiệm vụ chính ban đầu là đào tạo công nhân kỹ thuật sau 24 tháng đạt tiêu chuẩn bậc 3/7 cung cấp nguồn nhân lực cho ngành Xây dựng và các ngành kinh tế quốc doanh. Quy mô đào tạo ban đầu là 450 học sinh với 10 nghề đào tạo : Vận hành máy ủi, vận hành máy xúc, vận hành cầu bánh lốp, sửa chữa động cơ đốt trong, sửa chữa gầm máy , sửa chữa điện ô tô , máy kéo; Hàn, cấu kiện (cấu kiện biết hàn), cốt thép bê tông, lắp ống công nghiệp. Ngoài ra Trường còn liên kết đào tạo kỹ thuật viên của ngành chế tạo máy (hệ trung cấp).

Ngày 7/11/1978, Ngày Quốc khánh của Liên bang CHXHCN Xô Viết, nay là Liên bang Nga), lễ ký kết bàn giao Trường Công nhân cơ khí xây dựng số 1 đã được tổ chức long trọng trước sự chứng kiến của các bên đại diện Bộ Xây dựng; Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam và Trường đã lấy dấu mốc quan trọng này là ngày thành lập Trường.

Qua 04 lần đổi tên và sát nhập, Trường có tên Trường Kỹ thuật cơ giới cơ khí xây dựng Việt Xô số 1 vào năm 1996 (theo Quyết định số 125/BXD-TC ngày 22/10/1977; Quyết định số 724/BXD-TCCB ngày 21/5/1980 và Quyết định số 676/BXD-TCLĐ ngày 6/8/1996 của Bộ Xây dựng, Và Quyết định số 1545/QĐ-BLĐTB&XH ngày 12 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH, trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1, và mang tên này cho đến ngày hôm nay.

Ngày 09/12/1999, Trường được Chính phủ phê duyệt là một trong 15 Trường trọng điểm quốc gia tham gia dự án “Giáo dục Kỹ thuật và Dạy nghề” tại Quyết định số 1150/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

Ngày 29/12/2006, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã có quyết định số 1992/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Cơ giới cơ khí xây dựng số 1 trên cơ sở nâng cấp Trường Kỹ thuật CGCKXD Việt Xô số 1.

Ngày 12 tháng 11 năm 2010, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã có quyết định số 1454/QĐ-BLĐTB&XH về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Cơ khí Xây dựng số 1 thành Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số

Qua 40 năm xây dựng và phát triển nhà trường đã đào tạo hơn 35 nghìn lao động kỹ thuật lành nghề cho ngành Xây dựng và cho toàn xã hội.

2. 2. Thành tích nổi bật

Trong suốt chặng đường 42 năm, bằng lao động khoa học nghiêm túc và sáng tạo, các thế hệ cán bộ, giáo viên của Trường đã khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với lòng tin cậy của nhà nước và nhân dân.

Ghi nhận những đóng góp to lớn của Trường trong sự nghiệp giáo dục đào tạo. Chính Phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các Sở, Ban, Ngành đã phong tặng cho tập thể và các cá nhân trong trường nhiều danh hiệu thi đua cao quý: Huân chương độc lập hạng Nhì (2013); Huân chương độc lập hạng Ba (2006); Huân chương lao động hạng Nhất (2003); Huân chương lao động hạng Nhì (1998); Huân chương lao động hạng Ba (1990, 1994); Cờ thi đua của Chính Phủ năm (2007, 2016); Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ vào các năm 1984, 1989, 2005, 2007, 2008, 2010.

Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ Xây dựng, bằng khen của Công đoàn xây dựng Việt Nam, Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam các năm 2017-2018, 2018-2019.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường

3.1. Cơ cấu tổ chức : Được thể hiện qua sơ đồ tổ chức bộ máy

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban giám hiệu	Trần Đức Tiệp	1976	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Minh Phương	1961	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Quốc Thụ	1966	Cử nhân	Phó Hiệu trưởng
	Ngô Trọng Tuyền	1971	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng Bộ	Trần Đức Tiệp	1976	Thạc sỹ	Bí Thư
Chi bộ Phòng Tổ chức – Tài chính	Tạ Duy Chung	1975	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ Phòng Đào tạo và CTHSSV	Phạm Ngọc Bồi	1961	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ Khoa Cơ khí	Tạ Văn Năm	1980	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ Khoa điện	Trần Văn Cường	1978	Tiến sỹ	Bí thư
Chi bộ Khoa máy xây dựng	Nguyễn Xuân Lợi	1979	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ Khoa Cơ bản	Lục Kim Anh	1975	Cử nhân	Bí thư
Chi bộ Trung tâm Kiểm định	Nguyễn Đăng Hiếu	1981	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ TT Ngoại ngữ và Hợp tác quốc tế	Vũ Thị Thanh Minh	1974	Cử nhân	Bí thư
Chi bộ TT Đào tạo Lái xe	Lưu Văn Long	1974	Thạc sỹ	Bí thư
Công Đoàn	Ngô Trọng Tuyền	1971	Thạc sỹ	Chủ tịch Công đoàn
Đoàn Thanh niên	Trần Hoài Nam	1987	Thạc sỹ	Bí thư
Nữ công	Chu Thị Phương Lan	1978	Cử nhân	Trưởng ban
3. Trưởng các phòng chức năng				

Công nhân bậc 5/7 trở lên			
Tổng số	85	47	132

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Trình độ cao đẳng	270	
1.	Hàn	30	
2.	Điện công nghiệp	30	
3.	Lắp đặt thiết bị cơ khí	40	
4.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	30	
5.	Kế toán doanh nghiệp	35	
6.	Sửa chữa máy thi công xây dựng	15	
7.	Công nghệ ô tô	30	
8.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20	
9.	Điện dân dụng	20	
10.	Cơ điện tử	20	
II	Trình độ trung cấp	625	
1.	Hàn	75	
2.	Điện công nghiệp	90	
3.	Lắp đặt thiết bị cơ khí	50	
4.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	30	
5.	Kế toán doanh nghiệp	35	
6.	Sửa chữa máy thi công xây dựng	35	
7.	Công nghệ ô tô	35	
8.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	95	
9.	Điện dân dụng	25	
10.	Điện nước	25	

11.	Cắt gọt kim loại	25	
12.	Cơ điện tử	25	
13.	Vận hành cần, cầu trục	25	
14.	Vận hành máy thi công nền	55	
III	Sơ cấp nghề	1710	
1.	Nghề Hàn điện	50	
2.	Hàn hơi và inox	15	
3.	Hàn 3G	15	
4.	Hàn 6G	15	
5.	Hàn kim loại màu và hợp kim	15	
6.	Hàn công nghệ cao	15	
7.	Cắt gọt kim loại trên máy công cụ	20	
8.	Cắt gọt kim loại trên máy CNC	15	
9.	Chế tạo khuôn mẫu	25	
10.	Điện công nghiệp	30	
11.	Điện dân dụng	15	
12.	Cơ điện tử	20	
13.	Điện tử công nghiệp	20	
14.	Điện nước	25	
15.	Điện lạnh	25	
16.	Lắp đặt điện	15	
17.	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	15	
18.	Thiết kế đồ họa trên máy tính	15	
19.	Quản trị mạng máy tính	15	
20.	Công nghệ ô tô	15	
21.	Sửa chữa máy thi công xây dựng	15	
22.	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô	15	
23.	Sửa chữa gầm ô tô	15	
24.	Vận hành cần trục	75	

25.	Vận hành cầu trục	75	
26.	Vận hành máy nâng hàng	100	
27.	Vận hành cần trục tháp	20	
28.	Vận hành máy xúc đào	50	
29.	Vận hành máy xúc lật	15	
30.	Vận hành máy lu	15	
31.	Vận hành máy ủi	20	
32.	Vận hành máy san	15	
33.	Vận hành máy thi công nền	20	
34.	Vận hành máy khoan cọc nhồi	15	
35.	Vận hành máy đóng cọc	15	
36.	Vận hành máy cạp tường vây	15	
37.	Kế toán máy	15	
38.	Kế toán thuế	15	
39.	Lái xe ô tô các hạng	790	

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm tự đánh giá)

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Số liệu tuyển sinh 3 gần đây		
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
I	Trình độ cao đẳng			
1.	Hàn	3	17	20
2.	Điện công nghiệp	10	29	23
3.	Lắp đặt thiết bị cơ khí	0	0	0
4.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	0	0	0
5.	Kế toán doanh nghiệp	0	0	0
6.	Sửa chữa máy thi công xây dựng	0	0	0
7.	Công nghệ ô tô	7	25	21
8.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	11	14	23
9.	Điện dân dụng	0	0	0

10.	Cơ điện tử	5	9	17
II	Trình độ trung cấp			
1.	Hàn	55	150	37
2.	Điện công nghiệp	143	229	97
3.	Lắp đặt thiết bị cơ khí	0	45	0
4.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	52	40	71
5.	Kế toán doanh nghiệp	20	40	68
6.	Sửa chữa máy thi công xây dựng		55	29
7.	Công nghệ ô tô	102	187	79
8.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	132	141	114
9.	Điện dân dụng	18	113	27
10.	Cơ điện tử	118	116	82
11.	Điện nước	0	52	27
12.	Cắt gọt kim loại	0	20	21
13.	Vận hành cần, cầu trục	0	0	0
14.	Vận hành máy thi công nền	14	9	24
III	Sơ cấp nghề			
1.	Nghề Hàn	7		26
2.	Hàn hơi và inox			3
3.	Hàn 3G			14
4.	Hàn 6G			
5.	Hàn kim loại màu và hợp kim			
6.	Hàn công nghệ cao	7		
7.	Cắt gọt kim loại trên máy công cụ	5		2
8.	Cắt gọt kim loại trên máy CNC			2
9.	Chế tạo khuôn mẫu			
10.	Điện công nghiệp	8		
11.	Điện dân dụng	2		
12.	Cơ điện tử			

13.	Điện tử công nghiệp			
14.	Điện nước	3		
15.	Điện lạnh			
16.	Lắp đặt điện			
17.	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính			
18.	Thiết kế đồ họa trên máy tính			
19.	Quản trị mạng máy tính			
20.	Công nghệ ô tô	1		2
21.	Sửa chữa máy thi công xây dựng	3		3
22.	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô			
23.	Sửa chữa gầm ô tô			
24.	Vận hành cần trục	36		32
25.	Vận hành cầu trục	35		190
26.	Vận hành máy nâng hàng	102		189
27.	Vận hành cần trục tháp	8		
28.	Vận hành máy xúc đào	43		6
29.	Vận hành máy xúc lật	8		5
30.	Vận hành máy lu	2		10
31.	Vận hành máy ủi	2		
32.	Vận hành máy san	3		3
33.	Vận hành máy thi công nền	3		1
34.	Vận hành máy khoan cọc nhồi			6
35.	Vận hành máy đóng cọc			
36.	Vận hành máy cạp tường vây			
37.	Kế toán máy			
38.	Kế toán thuế			
39.	Lái xe ô tô các hạng	684		482

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất : 92.970m², trong đó:

- Diện tích đất XD các công trình kiến trúc: 14.415 m²(chiếm 15,50%)
- Diện tích XD đường giao thông nội bộ: 3.120 m²(chiếm 3,35%)
- Diện tích xây dựng sân bãi tập ngoài trời: 32.443m²(chiếm 34,90%)
- Diện tích đất trồng cây xanh: 42.992 m²(chiếm 46,25%)

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

Công trình kiến trúc trong trường gồm có 23 hạng mục với tổng diện tích sử dụng (không kể diện tích xây dựng và giao thông) là: 14 456 (m²) và phân làm 430 phòng. Chi tiết diện tích sử dụng, số lượng phòng của các hạng mục được thể hiện trong bảng 2 dưới đây:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ LƯỢNG PHÒNG TRONG CÁC HẠNG MỤC

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	SỐ LƯỢNG PHÒNG	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG (m ²)
1	Khu hiệu bộ	22	501
	Nhà điều hành (2 tầng)	22	501
2	Khu học lý thuyết	80	6340
2.1	Nhà học chính (03 tầng)	34	1969
2.2	Nhà học đa năng 8 tầng	55	4995
3	Khu học thực hành	130	7565
3.1	Xưởng thực tập A (1tầng)	15	696
3.2	Xưởng thực tập B (1tầng)	15	1208
3.3	Xưởng thực tập C (1 tầng)	17	1208
3.4	Nhà để máy làm đường (1tầng)	15	780
3.5	Nhà ăn	25	671
3.6	Nhà quản trị KTX	6	136
3.7	Nhà thợ sắt (1tầng)	2	168
3.8	Kho nhiên liệu (1tầng)	2	90
3.9	Xưởng thực hành hàn (1tầng)	3	144
3.10	Xưởng rèn gia công phôi (1 tầng)	1	96
3.11	Xưởng cấu kiện kim loại (1 tầng)	1	360
3.12	Nhà Hội trường 400 chỗ (1 tầng)	6	482
3.13	Nhà KTX số 1 (xưởng thực hành)	13	1208

4	Khu phục vụ	278	4421
4.1	Nhà KTX số 2 (4 tầng)	70	1208
4.2	Nhà KTX số 3 (4 tầng)	69	1208
4.3	Nhà KTX số 4 (4 tầng)	72	1208
4.4	Nhà KTX số 5 – KTX cán bộ (3 tầng)	61	757
4.5	Nhà thường trực	3	40
4.6	Nhà ăn	3	210
	Cộng	510	19.037

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường : 3586 đầu sách

Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường : 1715 đầu sách

5.4. Tổng số máy tính của trường : 186 bộ

- Dùng cho học sinh học tập : 186 bộ

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2017 : 22.715.000.000(VNĐ)

- Năm 2018 : 20.257.000.000 (VNĐ)

- Năm 2019 : 21.757.000.000(VNĐ)

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2017 : 1.269.100.000 (VNĐ)

- Năm 2018 : 1.249.520.000 (VNĐ)

- Năm 2019 : 2.008.782.000 (VNĐ)

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề

1.1 Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng dạy nghề là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với các cơ sở dạy nghề. Nói cụ thể hơn hoạt động tự kiểm định của trường sẽ giúp cho nhà trường đánh giá lại mình một cách toàn diện đầy đủ, thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số cụ thể trong giai đoạn hiện tại. Quá trình tự đánh giá sẽ giúp cho nhà trường luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế của đơn vị trong hệ thống các cơ sở dạy nghề góp phần khẳng định thương hiệu, uy tín và vị trí của nhà trường trong xã hội.

1.2 Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng dạy nghề

Hoạt động tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí là nhiệm vụ của cơ sở đào tạo trong từng giai đoạn nhằm xác định cấp độ đạt được để tham gia hoạt động đào tạo nghề. Qua đó có biện pháp đào tạo, hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí ở cấp độ cao hơn, để trở thành cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu học nghề của xã hội, giữ vững thương hiệu, uy tín của nhà trường trong nước và quốc tế.

Hoạt động tự đánh giá tại đơn vị giúp hoàn thiện báo cáo tổng hợp tự đánh giá CLDN của CSDN, góp phần để CSDN khẳng định được vai trò, ý nghĩa đối với xã hội, người học nghề, bản thân CSDN, cơ sở sử dụng lao động và cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề. Cụ thể:

a) Đối với xã hội:

- Góp phần giúp CSDN đảm bảo trước xã hội về chất lượng “sản phẩm”;
- Xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo của cơ sở dạy nghề;
- Là cơ sở cho việc tuyển dụng xem xét tư cách hành nghề của những người hành nghề;
- Là cơ sở cho việc trao đổi và di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng lao động trong và ngoài nước;
- Thông qua quá trình tự đánh giá giúp cơ sở dạy nghề luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nghề và nâng cao hiệu quả của đầu tư cho đào tạo nghề.

b) Đối với người học, hoạt động tự đánh giá góp phần giúp CSDN tạo được độ tin cậy của người học nghề, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất, giúp người học có thể chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Quan trọng hơn nếu được học tại những CSDN có uy tín và những chương trình dạy nghề phù hợp đã được khẳng định qua KĐCL thì người học sẽ dễ tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm khi ra trường.

c) Đối với bản thân các CSDN, tự đánh giá chất lượng tại đơn vị sẽ tạo động lực, khuyến khích việc nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, từ đó nâng cao chất lượng của CSDN. Hay nói cách khác, việc tự kiểm định của đơn vị phần nào giúp CSDN tạo được thương hiệu, uy tín được xã hội biết đến và thừa nhận.

d) Đối với cơ quan quản lý các cấp, KĐCL được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về CSDN hoặc một chương trình dạy nghề, phát hiện những nhân tố mới trong số các CSDN đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo, việc tự đánh giá được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy CSDN cải tiến nâng cao chất lượng.

e) Đối với người sử dụng lao động, hoạt động tự đánh giá tại đơn vị giúp CSDN được chứng nhận đạt “chất lượng” là một hoạt động cần thiết để hoạt động dạy nghề đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2. Tổng quan chung

2.1 Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và Quyết định số 1229/QĐ – BLĐTBXH ngày 4/8/2017 của bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đính chính Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH.

- Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Căn cứ công văn 406/ TCGDNN –KĐCL ngày 26/2/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn các trường được hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp Việc làm và An toàn lao động năm 2020.

2.2 Mục đích tự đánh giá

- Thông qua hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng nghề, đánh giá lại một cách nghiêm túc, toàn diện năng lực của cơ sở dạy nghề. Xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó xây dựng nên kế hoạch hành động sát với thực lực của trường, đề đầu tư nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, đầu tư xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị sát với nhu cầu và nhiệm vụ đào tạo của trường.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề,

qua đó huy động toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng gắn với chức năng nhiệm vụ của đơn vị để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng dạy nghề của trường cao đẳng nghề.

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị phòng khoa, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tự kiểm định theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt được, của từng đơn vị, từ đó hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Báo cáo tự đánh giá lập theo đúng cấu trúc của hướng dẫn theo Thông tư 28/2017/TTBLĐTBXH và có đủ minh chứng theo đúng nội dung báo cáo

- Báo cáo trình bày bám theo nội hàm tiêu chuẩn của mỗi tiêu chí

- Mức độ kiểm định tiêu chuẩn (đạt được/chưa đạt/) có đầy đủ minh chứng.

- Các đánh giá đảm bảo sự trung thực, khách quan và nhất quán giữa các tiêu chuẩn, tiêu chí.

- Từng tiêu chí, tiêu chuẩn được phân tích cụ thể, rõ ràng. Kế hoạch khắc phục các tồn tại phải phù hợp, khả thi.

2.4 Phương pháp tự đánh giá

- Mô tả, phân tích các nội dung chủ yếu của các minh chứng liên quan đến tiêu chuẩn để chứng minh nhà trường đạt hay không đạt các tiêu chuẩn này.

- Liệt kê tất cả các minh chứng của tiêu chuẩn (nếu có).

- Làm rõ tính hợp lệ của từng minh chứng và nội hàm của tiêu chuẩn để phân tích những mô tả thực trạng của trường. Từ đó làm rõ tính hợp lệ của từng minh chứng đưa ra.

2.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

- Bước 1:

Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng trường năm 2020

- Bước 2 :

Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá trình Hiệu trưởng nhà Trường phê duyệt.

- Bước 3 :

Các thành viên phụ trách các tiêu chí hướng dẫn các đơn vị trong cơ sở dạy nghề thực hiện tự đánh giá chất lượng dạy nghề và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề của Trường.

- Bước 4 :

Hội đồng tự đánh giá chất lượng dạy nghề nhà trường nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề của các đơn vị trong trường

- Bước 5 :

Hội đồng tự đánh giá chất lượng dạy nghề nhà trường tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề do các đơn vị báo cáo

- Bước 6 :

Hội đồng tự đánh giá chất lượng dạy nghề nhà trường kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề. Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề.

- Bước 7 :

Hội đồng tự đánh giá chất lượng dạy nghề nhà trường hoàn thiện báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề của trường, gửi các đơn vị trong trường để lấy ý kiến.

- Bước 8 :

Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề của trường. Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng dạy nghề của trường.

- Bước 9 :

Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng dạy nghề của trường.

3. Tự đánh giá

3.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	98
1.	Tiêu chí 1 : Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1.1 :Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.		
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	Đạt
2	Tiêu chí 2 : Hoạt động đào tạo	17	17
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.		
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	đào tạo liên thông theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	15
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	14
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	Không đạt
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo..	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó..	1	Không đạt
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	Đạt
6	Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	Đạt
8	Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	Đạt
9	Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	Đạt

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng các phòng học chuyên môn hóa, đầu tư thiết bị đa phương tiện, đồ dùng dạy học cho các phòng học tạo điều kiện tốt cho hoạt động dạy và học. 100% số phòng học chuyên môn được trang bị thiết bị dạy học đa phương tiện.

Hàng năm, trường tiếp tục nghiên cứu sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế của nhà trường.

Hoàn thiện quy chế để tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu khoa học, hàng năm có trên 80% giáo viên có đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến, làm mới các mô hình, học cụ được áp dụng vào giảng dạy, trong đó có đề tài cấp bộ, cấp tỉnh, khuyến khích HSSV tham gia nghiên cứu khoa học.

Tăng cường liên kết đào tạo với các đơn vị, tổ chức trong nước và quốc tế.

Xây dựng kế hoạch, thường xuyên thu thập ý kiến đánh giá về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện tiến độ giảng dạy và chất lượng các phương thức tổ chức đào tạo đối với cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV.

Xây dựng, cải tiến, hoàn thiện nội dung chương trình và phương pháp đào tạo, các chuẩn đào tạo nghề;

Trong giai đoạn 2020 - 2025, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hợp tác liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các trường nước ngoài.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học và trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề của đội ngũ cán bộ giáo viên đáp ứng nhu cầu hội nhập.

Triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng giáo viên nhằm chủ động kế hoạch giảng dạy, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học.

Giai đoạn 2020 - 2025: Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ quản lý; tăng cường đào tạo ngoại ngữ, tin học cho CBVC đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào phục vụ giảng dạy, mở rộng phạm vi và đa dạng nội dung thâm nhập thực tế của đội ngũ giáo viên; tuyển dụng bổ

sung, đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật viên và nhân viên để đáp ứng các hoạt động của nhà trường.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Tăng cường trao đổi thông tin, tư liệu với các đơn vị khác; các biện pháp hỗ trợ và tư vấn cho độc giả của thư viện.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, nhà trường sẽ đẩy mạnh việc tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hợp tác liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các trường, tổ chức quốc tế về hợp tác phát triển đào tạo nghề. Tiếp tục thực hiện dự án đào tạo nghề Hàn thí điểm theo chương trình của Đức.

Nhà trường tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước và nước ngoài nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu mà xã hội cần, có như vậy mới thu hút người học và tạo nguồn thu cho đơn vị.

Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, đồng thời mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp được phép xuất khẩu lao động nhằm giải quyết việc làm cho HSSV ngay sau khi tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Các cơ quan quản lý Nhà nước cần có thêm các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá để nâng cao chất lượng dạy nghề.

Có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Đã ký

Nơi nhận:

- TC GDNN (để b/c)
- BGH;
- Các Phòng, Khoa, TT;
- Lưu: VT, KĐ.

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CĐN VIỆT XÔ SỐ 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 2 năm 2020

Số: 144 /QĐ- CĐVX1 - KĐ

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp
Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1 năm 2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT XÔ SỐ 1

- Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-BLĐT&XH ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề CGCKXD số 1;

- Căn cứ Quyết định số 1454 / QĐ- BLDTBXH ngày 12/11/2010 của Bộ Lao động Thương và Xã hội về việc đổi tên thành Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1;

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐ TBXH, ngày 15/12/2017 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ công văn 406/ TCGDNN-KĐCL ngày 26/2/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn các trường được hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và An toàn lao động năm 2020;

- Xét đề nghị của Trung tâm Kiểm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1 năm 2020 gồm: 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 01 thư ký hội đồng và các thành viên. *(Danh sách kèm theo).*

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ sau:

1. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng.
2. Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng.
3. Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại trường.
4. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhân:

- Như điều 3,

- Lưu VT+KĐ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT XÔ SỐ 1 NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định: 144 /QĐ –CDNVXI – KĐ ngày 28 tháng 2 năm 2020)

TT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Chức vụ trong hội đồng
1.	Ông Trần Đức Tiếp	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Hội đồng
3.	Ông Nguyễn Đăng Hiếu	GĐ Trung tâm Kiểm định	Thư ký Hội đồng
4.	Ông Ngô Trọng Tuyển	Phó Hiệu trưởng - Chủ tịch Công đoàn trường	Thành viên
5.	Ông Phan Trung Kiên	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6.	Ông Phạm Ngọc Bối	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7.	Ông Tạ Duy Chung	Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
8.	Ông Trần Văn Cường	Trưởng Khoa Điện	Thành viên
9.	Ông Tạ Văn Năm	Trưởng khoa Cơ khí	Thành viên
10.	Ông Nguyễn Tuân	Trưởng phòng TCKT	Thành viên
11.	Ông Nguyễn Xuân Lợi	Trưởng Khoa Máy xây dựng	Thành viên
12.	Ông Lục Kim Anh	Trưởng khoa Cơ bản	Thành viên
13.	Bà Vũ Thị Thanh Minh	Phụ trách TT Ngoại ngữ và HTQT	Thành viên
14.	Ông Lưu Văn Long	GĐ. Trung tâm Đào tạo lái xe	Thành viên
15.	Ông Trần Hoài Nam	Bí thư Đoàn TNCSHCM	Thành viên
16.	Ông Dương Công Hưng	GV nghề Cơ điện tử	Thành viên
17.	Bà Phan Thị Hoài Thu	Kiểm định viên chất lượng DN	Thành viên
18.	Ông Nguyễn Anh Tú	Phó Trưởng phòng tổ chức nhân sự - Công ty CP LILAMA 69-1	Thành viên
19.	Ông Cao Thế Anh	PGĐ Công ty CP Xây dựng Lộc Anh	Thành viên

2. Kế hoạch tự đánh giá của Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1

TRƯỜNG CDN VIỆT XÔ SỐ 1
HĐ TỰ ĐÁNH GIÁ CLCSGDNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 07 tháng 3 năm 2020

Số: 157 /KH- CĐVX1 - TTKĐ

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng Trường năm 2020

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Thông tư 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 của Bộ Lao động thương binh và xã hội quy định về quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp; quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng GDNN.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN.

- Công văn số 406/TCGDNN-KĐCL ngày 26/2/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn các trường được hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động năm 2020.

II. MỤC ĐÍCH

- Tự đánh giá chất lượng giúp nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Thông qua đó thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao để phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.

- Đánh giá ngoài là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng. Là điều kiện để nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

III. CÔNG CỤ THỰC HIỆN.

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/5/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội.

- Hướng dẫn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng được quy định tại Công văn số 453/TCGDNN –KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

- Hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng được quy định tại Công văn số 454/TCGDNN –KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

IV. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Quy trình thực hiện tự đánh giá:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng
- Công bố báo cáo tự đánh giá và gửi các cơ quan có thẩm quyền.

2. Quy trình thực hiện đánh giá ngoài

- Đăng ký kiểm định với tổ chức kiểm định.
- Ký hợp đồng đánh giá với tổ chức kiểm định.
- Triển khai đánh giá ngoài.
- Công nhận kết quả.
- Triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá ngoài.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo: Tự đánh giá chất lượng Trường được thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Hiệu trưởng đào tạo: Nguyễn Minh Phương.

2. Phân công nhiệm vụ:

2.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng dạy nghề, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng tại các đơn vị Phòng, Khoa, Trung tâm. Phân công các thành viên trong hội đồng chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thu thập thông tin minh chứng các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Tổng hợp phân loại thông tin minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Thu thập bổ sung thông tin minh chứng (nếu cần thiết).

- Hướng dẫn các Phòng, Khoa, Trung tâm thực hiện tự đánh giá chất lượng và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề của các đơn vị.

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường.

2.2. Đối với Trung tâm Kiểm định (Đơn vị chủ trì thực hiện)

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Hội đồng phê duyệt.

- Hướng dẫn các đơn vị thu thập, phân tích và xử lý thông tin theo hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động Thương binh xã hội ban hành; rà soát các đánh giá, xác định mức độ đạt được

của từng tiêu chuẩn, tiêu chí; xác định các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí.

- Tổng hợp và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá của trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 và Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 28/2017/ TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh xã hội.

- Hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá chất lượng nhà trường, gửi Hội đồng tự đánh giá và các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến.

- Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá thông qua lần cuối.

- Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá về Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp, Bộ Xây dựng và Sở Lao động Thương binh và xã hội Vĩnh Phúc, tổ chức kiểm định giáo dục nghề nghiệp đúng thời gian quy định và công bố báo cáo tự đánh giá lên các phương tiện thông tin đại chúng .

2.3 Đối với các đơn vị trực thuộc trường.

- Tiến hành thu thập thông tin minh chứng theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng có liên quan. Bên cạnh đó phân tích, chỉ rõ những điểm mạnh, điểm tồn tại và đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng của từng tiêu chuẩn, tiêu chí đơn vị mình phụ trách.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

3. Phân bổ các đơn vị thuộc trường thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung số liệu theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Cán bộ hội đồng kiểm định phụ trách
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý		
	1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5; 1.6; 1.9; 1.10; 1.11; 1.12.	Phòng Tổ chức Hành chính	Tạ Duy Chung
	1.7; 1.8	Trung tâm Kiểm định	
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		
	2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.8; 2.9; 2.12; 2.13; 2.14; 2.15; 2.16; 2.17	Phòng Đào tạo và CTHSSV	Phạm Ngọc Bồi Nguyễn Xuân Lợi
	2.7; 2.8	Các khoa, TT thuộc khối	Lợi

		đào tạo	Trần Văn Cường
	2.10 ; 2.11	TT kiểm định	
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động		
	3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.7; 3.8; 3.9; 3.10; 3.11; 3.12; 3.13; 3.14; 3.15	Phòng tổ chức hành chính	Tạ Duy Chung
	3.5; 3.6	Phòng Đào tạo	
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		
	4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 4.5; 4.6; 4.7; 4.8; 4.9; 4.10; 4.11; 4.12; 4.13; 4.14; 4.15	Phòng Đào tạo và các khoa/ Trung tâm thuộc khối đào tạo	Phạm Ngọc Bối
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		
	5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6;; 5.8; 5.9; 5.10; 5.11; 5.12; 5.13;	Phòng TC - HC	Tạ Văn Năm
	5.7		
	5.14; 5.15	Phòng đào tạo &CTHSSV	
VI	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế		
	6.1; 6.2; 6.3; 6.4; 6.5	TT Ngoại ngữ và HTQT	Vũ Thị Thanh Minh
VII	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính		
	7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6	Phòng TC-KT	Nguyễn Tuấn
VIII	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học		
	8.1; 8.2; 8.3; 8.8; 8.9	Phòng Đào tạo và công tác HSSV	Phạm Ngọc Bối
	8.4; 8.6; 8.7		
	8.5	Phòng TC-HC	
IX	Tiêu chí 9: Giám sát đánh giá chất lượng		
	9.1; 9.3; 9.6	Phòng Đào tạo và CTHSSV	Nguyễn Đăng Hiếu

	9.2	Phòng TC-HC	
	9.4; 9.5	Trung tâm Kiểm định	

4. Tiến độ thực hiện

Căn cứ vào quy trình thực hiện, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Trường lập kế hoạch tiến độ thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài như sau:

Nội dung và tiến độ như sau:

Thời gian	Công việc	Đơn vị/người thực hiện
A.	Giai đoạn 1. Đánh giá nội bộ	
Từ ngày 09-13/3/2020	Họp và phân công các thành viên trong HĐ tự đánh giá chất lượng trường phụ trách từng tiêu chí	Hội đồng tự đánh giá
	Lập dự trù kinh phí trình Hiệu trưởng phê duyệt.	TT KĐ + P. TCKT
Từ ngày 16/3/2020 đến ngày 20/3/2020	Phân bổ các tiêu chuẩn đánh giá thích hợp cho từng Phòng, Khoa, Trung tâm	Các thành viên HĐ được giao phụ trách các tiêu chí chủ động phân công các tiêu chuẩn cho các đơn vị
Từ ngày 01/4/2020 Đến ngày 31/7/2020	- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng và đánh giá mức độ đạt được theo quy định của từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. -Viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí.	-Thành viên HĐ tự đánh giá. -Các phòng, khoa, TT
Từ ngày 3/8/2020 Đến ngày 14/8/2020	- Các nhóm hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công, - Rà soát, kiểm tra hồ sơ minh chứng	- Thành viên HĐ tự đánh giá. - TT Kiểm định
Từ ngày 17/8/2020 Đến ngày 21/8/2020	Thư ký hội đồng tổng hợp báo cáo và gửi Dự thảo báo cáo cho Hội đồng tự đánh giá và các đơn vị trong trường để tiếp nhận ý kiến	Hội đồng tự đánh giá Các đơn vị trong trường

	phản hồi.	
	Hoàn thiện báo cáo tự giá gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.	
	Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng của trường để thông qua nội dung bản cáo tự đánh giá chất lượng.	Hội đồng tự đánh giá
Từ ngày 24/8/2020 đến ngày 28/8/2020	Phê duyệt và nộp báo cáo cho Tổng Cục GDNN, Bộ xây dựng và Sở LĐT BXH Vĩnh Phúc, tổ chức kiểm định.	Thư ký Hội đồng tự đánh giá
	Công bố báo cáo tự đánh giá.	Trung tâm kiểm định
Từ ngày 31/8/2020 đến ngày 04/9/2020	Chuẩn bị hồ sơ, điều kiện để phục vụ đăng ký đánh giá ngoài.	Trung tâm kiểm định
B. Giai đoạn 2	Đánh giá ngoài từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2020	
	Lịch trình cụ thể sẽ theo thông báo của đơn vị tổ chức đánh giá ngoài.	

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được trích từ nguồn kinh phí hợp pháp của trường và từ nguồn kinh phí hỗ trợ theo hướng dẫn tại Công văn số 5411/LĐT BXH-TCGDNN ngày 11/12/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Trung tâm Kiểm định và Phòng tài chính kế toán lập dự trù kinh phí trình Ban giám hiệu phê duyệt.

Công tác thực hiện kiểm định chất lượng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của nhà trường trong năm 2020, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân, là căn cứ, là điều kiện xếp loại thi đua năm 2020. Đề nghị tất cả các Phòng, Khoa, trung tâm trong trường phối hợp tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra.

Nơi nhân:

- TCGDNN;
- BGH;
- Các thành viên HĐ tự đánh giá;
- Các Phòng, khoa, TT;
- Lưu VT +KĐ.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Đã ký